

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lô A 1-3, khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8
Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 24



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lô A 1-3, khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8
Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Chí Nguyễn	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016)
Ông Nguyễn Đức Hạnh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016)
Ông Lê Quốc Dũng	Ủy viên
Ông Trần Thiên Hồng	Ủy viên
Ông Tống Việt Thống	Ủy viên
Bà Trần Như Quỳnh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Quốc Dũng	Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Nhuận	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Lê Quốc Dũng
Giám đốc

Ngày 21 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 21 tháng 02 năm 2017, từ trang 3 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0042-2013-001-1

Phạm Ngọc Hải
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2452-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 21 tháng 02 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		37.089.325.554	33.125.389.469
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	266.465.039	6.874.069.945
1. Tiền	111		266.465.039	6.874.069.945
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.752.575.724	16.582.574.279
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	24.375.066.106	16.582.574.279
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.083.737.541	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.293.772.077	-
III. Hàng tồn kho	140	7	9.240.220.458	8.974.436.317
1. Hàng tồn kho	141		9.240.220.458	8.974.436.317
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		830.064.333	694.308.928
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		830.064.333	653.327.050
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	-	40.981.878
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		79.360.143.577	52.292.774.017
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		3.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		53.259.812.269	52.096.338.593
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	53.259.812.269	52.096.338.593
- Nguyên giá	222		82.831.322.146	76.017.470.418
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.571.509.877)	(23.921.131.825)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	9	25.511.944.151	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		25.511.944.151	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		585.387.157	193.435.424
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		585.387.157	193.435.424
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		116.449.469.131	85.418.163.486

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		61.537.642.009	38.162.930.224
I. Nợ ngắn hạn	310		34.203.657.395	15.783.107.984
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	14.684.413.333	1.930.566.503
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.395.639.459	558.391.957
3. Phải trả người lao động	314		7.445.192.318	3.003.023.545
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		681.211.413	285.199.362
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		334.113.378	232.185.963
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	10	8.352.000.000	8.352.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.311.087.494	1.421.740.654
II. Nợ dài hạn	330		27.333.984.614	22.379.822.240
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	10	27.333.984.614	22.379.822.240
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.911.827.122	47.255.233.262
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	54.911.827.122	47.255.233.262
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.812.490.000	32.650.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.775.243.318	2.433.155.732
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.324.093.804	12.172.077.530
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.117.670.469	3.224.826.955
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		9.206.423.335	8.947.250.575
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		116.449.469.131	85.418.163.486


Nguyễn Đình Lịch
Người lập biểu

Ngày 21 tháng 02 năm 2017


Lê Cảnh Khánh
Kế toán trưởng


Lê Quốc Dũng
Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	153.298.850.980	144.476.510.268
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		153.298.850.980	144.476.510.268
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	15	125.837.371.394	120.656.939.156
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		27.461.479.586	23.819.571.112
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		30.601.798	122.409.154
6. Chi phí tài chính	22		2.722.331.317	2.981.668.071
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.685.278.696	2.981.513.071
7. Chi phí bán hàng	25	17	3.763.825.820	2.542.052.535
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17	10.805.773.032	8.476.870.133
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		10.200.151.215	9.941.389.527
10. Thu nhập khác	31		90.909.091	-
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		90.909.091	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		10.291.060.306	9.941.389.527
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	1.084.636.971	994.138.952
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		9.206.423.335	8.947.250.575
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	1.805	1.813

[Signature]
Nguyễn Đình Lịch
Người lập biểu

[Signature]
Lê Cảnh Khánh
Kế toán trưởng

[Signature]
Lê Quốc Dũng
Giám đốc

Ngày 21 tháng 02 năm 2017



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.291.060.306	9.941.389.527
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.502.595.324	6.254.212.716
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	36.743.121	155.000
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(121.201.389)	(114.048.954)
Chi phí lãi vay	06	2.685.278.696	2.981.513.071
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	19.394.476.058	19.063.221.360
(Tăng) các khoản phải thu	09	(10.129.019.567)	(2.502.319.605)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(265.784.141)	(1.333.251.936)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	11.394.704.265	(5.903.901.650)
(Tăng) chi phí trả trước	12	(568.689.016)	(248.826.417)
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.702.808.283)	(2.990.740.382)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(844.756.737)	(742.019.469)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.660.482.635)	(651.106.364)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.617.639.944	4.691.055.537
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(26.300.608.613)	(3.685.627.409)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	90.909.091	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	30.292.298	114.048.954
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(26.179.407.224)	(3.571.578.455)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	64.144.074.020	13.662.715.542
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(59.189.911.646)	(18.964.715.542)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(6.530.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.954.162.374	(11.832.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(6.607.604.906)	(10.712.522.918)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.874.069.945	17.586.592.863
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	266.465.039	6.874.069.945


 Nguyễn Đình Lịch
 Người lập biểu


 Lê Cảnh Khánh
 Kế toán trưởng


 Lê Quốc Dũng
 Giám đốc

Ngày 21 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1900437757 ngày 11 tháng 6 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ chín ngày 08 tháng 7 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại lô A 1-3, khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2014 theo Quyết định số 7234/UBCK-QLPH ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 217 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 185 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: chất dẻo nguyên sinh và phân bón;
- In ấn bao bì PP/PE, vải manh PP phục vụ nông nghiệp và các ngành công nghiệp khác;
- Quảng cáo;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; và
- Vận tải hành khách đường bộ khác.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bao bì PP/PE.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản vay và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí lãi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Theo Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu và Giấy chứng nhận đầu tư số 60221000003 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bạc Liêu chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2013, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế như sau: thuế suất ưu đãi 20% trong thời hạn 10 năm và miễn thuế 2 năm kể từ khi công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2012), giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Năm 2016 là năm thứ ba Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	38.414.624	70.414.415
Tiền gửi không kỳ hạn	228.050.415	6.803.655.530
	266.465.039	6.874.069.945

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	21.196.118.906	16.140.949.029
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Tường Nguyên	3.102.057.200	-
Các khách hàng khác	76.890.000	441.625.250
	24.375.066.106	16.582.574.279
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 22)	21.196.118.906	16.140.949.029

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.696.608.844	-	3.717.812.326	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.176.295.482	-	1.207.200.708	-
Thành phẩm	1.367.316.132	-	4.049.423.283	-
	9.240.220.458	-	8.974.436.317	-

8. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	35.931.240.697	34.807.527.314	5.155.915.135	122.787.272	76.017.470.418
Mua sắm mới	-	7.666.069.000	-	-	7.666.069.000
Thanh lý, nhượng bán	(852.217.272)	-	-	-	(852.217.272)
Số dư cuối năm	35.079.023.425	42.473.596.314	5.155.915.135	122.787.272	82.831.322.146
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	8.442.091.319	13.631.361.879	1.769.860.228	77.818.399	23.921.131.825
Khấu hao trong năm	2.019.922.364	3.814.335.223	645.734.923	22.602.814	6.502.595.324
Thanh lý, nhượng bán	(852.217.272)	-	-	-	(852.217.272)
Số dư cuối năm	9.609.796.411	17.445.697.102	2.415.595.151	100.421.213	29.571.509.877
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	27.489.149.378	21.176.165.435	3.386.054.907	44.968.873	52.096.338.593
Tại ngày cuối năm	25.469.227.014	25.027.899.212	2.740.319.984	22.366.059	53.259.812.269

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 72.463.636 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 30.500.000 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 10, Công ty sử dụng toàn bộ tài sản cố định được hình thành từ Dự án "Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu" và tài sản cố định hình thành từ vốn vay để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu. Giá trị còn lại của các tài sản cố định này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 49.061.353.253 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 46.891.412.496 VND).

9. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

Tài sản dở dang dài hạn phản ánh chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn của Dự án Đầu tư Nhà máy Sản xuất Phân bón Dầu khí Bạc Liêu, có quy mô sản xuất phân bón Đạm đen từ Urea với công suất 30.000 tấn/năm.

Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị công trình xây dựng cơ bản dở dang này để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

10. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Chi tiêu	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Số có khả năng		Tăng VND	Giảm VND	Số có khả năng	
	Giá trị VND	trả nợ VND			Giá trị VND	trả nợ VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu						
Hợp đồng số 11160128/HĐTD ngày 28/01/2011 (i)	21.081.053.491	21.081.053.491	-	7.880.000.000	28.961.053.491	28.961.053.491
Hợp đồng số 57.140613/HĐTD ngày 20/6/2013 (ii)	1.298.768.749	1.298.768.749	-	472.000.000	1.770.768.749	1.770.768.749
Hợp đồng số 64.1104/2016 ngày 11/04/2016 (iii)	5.289.679.386	5.289.679.386	5.289.679.386	-	-	-
Hợp đồng số 64.2006/2016 ngày 30/6/2016 (iv)	8.016.482.988	8.016.482.988	8.016.482.988	-	-	-
Các hợp đồng vay ngắn hạn khác	-	-	59.189.911.646	59.189.911.646	-	-
	35.685.984.614	35.685.984.614	72.496.074.020	67.541.911.646	30.731.822.240	30.731.822.240
Số phải trả trong vòng 12 tháng	8.352.000.000				8.352.000.000	
Số phải trả sau 12 tháng	27.333.984.614				22.379.822.240	

- (i) Tại ngày 28 tháng 01 năm 2011, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu với số tiền vay là 60.000.000.000 VND và không vượt quá 70% tổng chi phí đầu tư của Dự án "Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu". Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay áp dụng phương thức lãi suất cho vay dài hạn thả nổi có điều chỉnh theo thời gian và được trả hàng tháng. Gốc vay sẽ được trả ngay sau khi hết thời gian ân hạn (12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên - ngày 04 tháng 7 năm 2011), sau đó sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30 tháng 9 năm 2012 đến ngày 30 tháng 9 năm 2019. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản được hình thành từ Dự án "Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu" để thế chấp cho khoản vay này.
- (ii) Tại ngày 20 tháng 6 năm 2013, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu với số tiền vay là 3.500.000.000 VND và tổng dư nợ cho vay của tất cả các hợp đồng đang còn hiệu lực tại bất cứ thời điểm nào không được vượt quá 44.811.053.491 VND. Mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung, mua sắm tài sản cố định. Thời hạn vay là 6 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay áp dụng phương thức lãi suất cho vay dài hạn thả nổi có điều chỉnh theo thời gian và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản được hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này.
- (iii) Tại ngày 11 tháng 4 năm 2016, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu với các khoản tiền bằng Việt Nam Đồng có tổng giá trị không vượt quá 5.726.000.000 VND. Mục đích sử dụng tiền vay là dùng để thanh toán cho Dự án mua 01 máy sợi và 02 máy dệt, thời hạn vay là 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay áp dụng phương thức lãi suất 7,1% cho 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, kể từ tháng 13 trở đi, lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 2,8%/năm. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản được hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này. Do lịch trả nợ cụ thể chưa được thống nhất nên Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng đây là một khoản vay trung hạn và quyết định trình bày lịch trả nợ đối với khoản vay này là từ 3 đến 5 năm.

10. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

- (iv) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu với các khoản tiền bằng Việt Nam Đồng có tổng giá trị không vượt quá 22.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng tiền vay là dùng để thực hiện Dự án nhà máy phân bón dầu khí Bạc Liêu, thời hạn vay là 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay áp dụng phương thức lãi suất 7,4% cho 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, kể từ tháng 13 trở đi, lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 1,8%/năm. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản được hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này. Do lịch trả nợ cụ thể chưa được thống nhất nên Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng đây là một khoản vay trung hạn và quyết định trình bày lịch trả nợ đối với khoản vay này là trên 5 năm.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	8.352.000.000	8.352.000.000
Trong năm thứ hai	8.352.000.000	8.352.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	10.965.501.626	14.027.822.240
Sau năm năm	8.016.482.988	-
	35.685.984.614	30.731.822.240
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	8.352.000.000	8.352.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	27.333.984.614	22.379.822.240

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	6.073.580.500	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Cá Voi Xanh	2.814.520.500	-
Tai An LiFeng Chemical Equipments Co.,Ltd	1.799.207.280	-
Công ty Cổ phần Á Đông ADG	1.440.801.450	-
Công ty TNHH SAKATA INX Việt Nam	376.934.250	519.337.500
Phải trả cho các đối tượng khác	2.179.369.353	1.411.229.003
	14.684.413.333	1.930.566.503
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 22)	6.073.580.500	-

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Thuế phải thu	Thuế phải nộp	Phát sinh trong năm		Thuế phải nộp
	tại ngày đầu năm	tại ngày đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	tại ngày cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	475.239.219	5.640.648.611	5.062.648.630	1.053.239.200
- Thuế GTGT đầu ra	-	475.239.219	4.066.134.960	3.488.134.979	1.053.239.200
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.574.513.651	1.574.513.651	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	71.739.488	1.084.636.971	844.756.737	311.619.722
Thuế thu nhập cá nhân	-	11.413.250	182.771.077	163.403.790	30.780.537
Thuế khác	-	-	190.628.968	190.628.968	-
Các khoản phí, lệ phí	40.981.878	-	109.685.800	68.703.922	-
	40.981.878	558.391.957	7.208.371.427	6.330.142.047	1.395.639.459

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	32.650.000.000	897.105.742	13.155.926.935	46.703.032.677
Lợi nhuận trong năm	-	-	8.947.250.575	8.947.250.575
Trích lập các quỹ	-	1.536.049.990	(3.401.099.980)	(1.865.049.990)
Chia cổ tức	-	-	(6.530.000.000)	(6.530.000.000)
Số dư đầu năm nay	32.650.000.000	2.433.155.732	12.172.077.530	47.255.233.262
Lợi nhuận trong năm	-	-	9.206.423.335	9.206.423.335
Trích lập các quỹ (i)	-	1.342.087.586	(2.891.917.061)	(1.549.829.475)
Chia cổ tức (i)	8.162.490.000	-	(8.162.490.000)	-
Số dư cuối năm nay	40.812.490.000	3.775.243.318	10.324.093.804	54.911.827.122

- (i) Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2015 cho cổ đông thông qua việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCD ngày 14 tháng 4 năm 2016.

Cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số cổ phiếu của Công ty đang lưu hành như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.081.249	3.265.000
Cổ phiếu phổ thông	4.081.249	3.265.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.081.249	3.265.000
Cổ phiếu phổ thông	4.081.249	3.265.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ chín ngày 08 tháng 7 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 40.812.490.000 VND và các cổ đông đã góp vốn đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp tại ngày cuối năm		Vốn đã góp tại ngày đầu năm	
	VND	%	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	20.826.250.000	51,03	20.826.250.000	51,03	16.661.000.000	51,03
Doanh nghiệp tư nhân Phương Ngọc	3.000.000.000	7,35	3.000.000.000	7,35	2.400.000.000	7,35
Cổ đông khác	16.986.240.000	41,62	16.986.240.000	41,62	13.589.000.000	41,62
	40.812.490.000	100	40.812.490.000	100	32.650.000.000	100

Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCD ngày 14 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 25%. Ngày 27 tháng 6 năm 2016, Công ty đã nhận được Công văn số 3640/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty.

14. DOANH THU

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán bao bì	153.115.123.707	144.329.358.410
Doanh thu bán phế liệu	183.727.273	147.151.858
	153.298.850.980	144.476.510.268
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 22)	134.907.315.060	135.880.088.210

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Giá vốn của bao bì đã bán	125.837.371.394	120.656.939.156
	125.837.371.394	120.656.939.156

16. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	103.158.602.034	97.397.120.825
Chi phí nhân công	24.977.061.733	16.133.398.605
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.502.595.324	6.254.212.716
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.253.482.155	11.092.492.864
Chi phí khác bằng tiền	2.515.229.000	798.636.814
	140.406.970.246	131.675.861.824

17. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	6.371.969.752	3.117.596.071
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.340.210.909	1.378.777.864
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.606.052.688	2.771.753.372
Chi phí khác bằng tiền	1.487.539.683	1.208.742.826
	10.805.773.032	8.476.870.133
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	1.884.062.075	1.022.627.952
Chi phí khấu hao tài sản cố định	265.246.584	214.436.937
Chi phí dịch vụ mua ngoài	749.985.246	1.178.940.349
Chi phí khác bằng tiền	864.531.915	126.047.297
	3.763.825.820	2.542.052.535

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	10.291.060.306	9.941.389.527
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	555.309.400	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	10.846.369.706	9.941.389.527
Thuế suất thông thường	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thông thường	2.169.273.942	2.187.105.696
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm do áp dụng thuế suất ưu đãi 20%	-	(198.827.791)
Thuế phải nộp được miễn giảm 50%	(1.084.636.971)	(994.138.953)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.084.636.971	994.138.952

Theo Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu và Giấy chứng nhận đầu tư số 60221000003 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bạc Liêu chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2013, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: thuế suất ưu đãi 20% trong thời hạn 10 năm và miễn thuế 2 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2012), giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Năm 2016 là năm thứ ba Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> (Điều chỉnh lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.206.423.335	8.947.250.575
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	(1.841.284.667)	(1.549.829.475)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.365.138.668	7.397.421.100
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	4.081.249	4.081.249
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.805	1.813

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (Tiếp theo)

Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu và thông qua việc phân phối lợi nhuận của năm 2015, dẫn đến việc điều chỉnh lại lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do ảnh hưởng của việc thay đổi số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2015 và điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm 2015 do ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu:

	<u>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</u> VND	<u>Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm</u> Cổ phiếu	<u>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</u> VND
Theo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.605.162.989	3.265.000	2.329
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu và điều chỉnh lại quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2015	(207.741.889)	816.249	(517)
Số đã điều chỉnh lại	7.397.421.100	4.081.249	1.813

20. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Theo Quyết định số 06/QĐ-PPC-HĐ ngày 14 tháng 4 năm 2016, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt Dự án Đầu tư Nhà máy Sản xuất Phân bón Dầu khí Bạc Liêu, có quy mô sản xuất phân bón Đạm đen từ Urea với công suất 30.000 tấn/năm. Tổng mức đầu tư của Dự án là 31.512.637.193 VND, dự kiến hoàn thành và hoạt động thương mại từ quý 1 năm 2017.

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 10, trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Các khoản vay	35.685.984.614	30.731.822.240
Trừ: Tiền	266.465.039	6.874.069.945
Nợ thuần	35.419.519.575	23.857.752.295
Vốn chủ sở hữu	54.911.827.122	47.255.233.262
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,65	0,50

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	266.465.039	6.874.069.945
Phải thu khách hàng	24.375.066.106	16.582.574.279
Phải thu khác	1.296.772.077	3.000.000
Tổng cộng	25.938.303.222	23.459.644.224
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	14.684.413.333	1.930.566.503
Chi phí phải trả	681.211.413	285.199.362
Các khoản vay	35.685.984.614	30.731.822.240
Tổng cộng	51.051.609.360	32.947.588.105

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/(giảm) 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty sẽ (giảm)/tăng 713.719.692 VND (năm 2015: 614.636.445 VND).

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Năm nay		
VND	+200	(713.719.692)
VND	-200	713.719.692
Năm trước		
VND	+200	(614.636.445)
VND	-200	614.636.445

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 22.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

125
NG
HIỆM
.01
T I
A -

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2016	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	266.465.039	-	266.465.039
Phải thu khách hàng	24.375.066.106	-	24.375.066.106
Phải thu khác	1.293.772.077	3.000.000	1.296.772.077
Tổng cộng	25.935.303.222	3.000.000	25.938.303.222

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán	14.684.413.333	-	14.684.413.333
Chi phí phải trả	681.211.413	-	681.211.413
Các khoản vay	8.352.000.000	27.333.984.614	35.685.984.614
Tổng cộng	23.717.624.746	27.333.984.614	51.051.609.360

Chênh lệch thanh khoản thuần **2.217.678.476** **(27.330.984.614)** **(25.113.306.138)**

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.874.069.945	-	6.874.069.945
Phải thu khách hàng	16.582.574.279	-	16.582.574.279
Phải thu khác	-	3.000.000	3.000.000
Tổng cộng	23.456.644.224	3.000.000	23.459.644.224

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán	1.930.566.503	-	1.930.566.503
Chi phí phải trả	285.199.362	-	285.199.362
Các khoản vay	8.352.000.000	22.379.822.240	30.731.822.240
Tổng cộng	10.567.765.865	22.379.822.240	32.947.588.105

Chênh lệch thanh khoản thuần **12.888.878.359** **(22.376.822.240)** **(9.487.943.881)**

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có số dư và giao dịch chủ yếu trong năm với Công ty:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ của chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Chủ sở hữu
Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Bảo hiểm PVI Cà Mau	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	133.069.407.060	135.880.088.210
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	1.837.908.000	-
Mua nguyên vật liệu		
Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí	-	21.552.975.000
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	10.490.729.955	-
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	-	1.435.500.000
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	331.650.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí miền Trung	-	1.417.950.000
Dịch vụ khác		
Công ty Bảo hiểm PVI Cà Mau	486.437.070	133.829.718
Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam	99.413.895	113.781.481
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	429.335.983	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	-	50.000.000
Chia cổ tức cho Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	3.332.000.000
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.919.717.500	1.278.524.892

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	21.196.118.906	16.140.949.029
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	6.073.580.500	-
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	141.431.100	-



Nguyễn Đình Lịch
Người lập biểu

Ngày 21 tháng 02 năm 2017



Lê Cảnh Khánh
Kế toán trưởng



Lê Quốc Dũng
Giám đốc

